

Bản án số: 04/2022/DS-PT  
Ngày: 19-01-2022  
V/v *Tranh chấp quyền sử dụng đất  
và tiền bồi thường giải  
phóng mặt bằng*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nông Hà Nam

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Như

Ông Ngôn Ngọc Viên

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nông Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:**  
Bà Đoàn Thị Chinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2021/TLPT-DS ngày 19 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tiền bồi thường giải phóng mặt bằng*”.

Do Bản án dân S sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2022/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương S:

*Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị L, S năm: 1972

Địa chỉ: xóm Đ, xã P, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

*Bị đơn:* Bà Hoàng Thị C, S năm: 1941. Vắng mặt có lý do.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Bà Hứa Thị P, S năm: 1977.

Cùng trú tại: xóm Đ, xã P, huyện K, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* ông Nông Văn S - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Lục Thị H, S năm: 1930

Trú tại: Số nhà 107, ngõ 118 đường H, phường G, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt có lý do.

- Bà Đinh Thị B, S năm: 1952

Trú tại: Số nhà 037, tổ dân phố 14, phường S, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt có lý do.

*Người làm chứng:*

- Ông Hoàng Xuân A, S năm: 1953

Trú tại: Tổ dân phố 09, phường T, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng;

- Bà Lục Thị T, S năm 1950;

Trú tại: Tổ dân phố 07, thị trấn K, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

- Ông Hứa Văn P, S năm 1940;

- Ông Hoàng Văn C, S năm 1960;

- Bà Triệu Thị M, S năm 1963;

- Bé Văn T, S năm 1965;

Cùng trú tại: xóm Đ, xã P, huyện K, tỉnh Cao Bằng

- Bà Hoàng Thị N, S năm 1933;

Trú tại: xóm Đ, xã C, huyện K, tỉnh Cao Bằng.

*(Tất cả những người làm chứng đều vắng mặt)*

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Hoàng Thị L

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 28 tháng 4 năm 2021 nộp tại Tòa án ngày 04 tháng 5 năm 2021, bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:*

Thửa đất có tên địa phương là Táp Vong, thuộc thửa số 69, tờ bản đồ số 20, có diện tích 825,6m<sup>2</sup> và đám rẫy thuộc tờ bản đồ số 28 tại Đ, xã ĐP, huyện TK, tỉnh Cao Bằng hiện nay gia đình bà C đang dựng nhà có nguồn gốc là đất của ông bà nội tôi để lại, không có giấy tờ gì, cũng chưa làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Bà Hoàng Thị C là con gái của

anh trai ông nội tôi (ông Hoàng Văn K) về tranh lấy đám ruộng và rẫy của gia đình tôi và canh tác từ năm 1987 đến nay. Tuy nhiên, gia đình tôi chưa làm đơn khởi kiện hay có ý kiến gì đến chính quyền địa phương, cơ quan chức năng có thẩm quyền. Hiện nay, Nhà nước mở con đường 213 đi qua đám ruộng và có tiền bồi thường phần đất bị thu hồi, bà Hứa Thị P là con dâu bà C đi ký và nhận số tiền bồi thường, tôi thấy như vậy là không đúng vì đây là đất của gia đình tôi. Còn đối với đám đất rẫy thuộc tờ bản đồ số 28, trước khi gia đình bà C làm nhà gia đình tôi đã nhắc nhở rất nhiều lần nhưng gia đình bà C vẫn cố tình xây lên căn nhà hiện nay gia đình bà C đang ở. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình tôi lấy lại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20; yêu cầu gia đình bà C trả cho gia đình tôi khoản tiền mà nhà nước đã bồi thường cho gia đình bà C phần đất bị thu hồi và lấy lại nguyên vẹn đám đất rẫy thuộc tờ bản đồ số 28 mà hiện nay gia đình bà C đang dựng nhà. Tài sản trên đất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Hoàng Thị C trình bày: Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20, diện tích 825,6m<sup>2</sup> có tên địa phương là Táp Vong và đám rẫy thuộc tờ bản đồ số 28 hiện nay gia đình tôi đang dựng nhà có nguồn gốc là của bố mẹ tôi để lại cho anh trai Hoàng Văn S và em trai Hoàng Văn H. Đám ruộng Táp Vong thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20, diện tích 825,6m<sup>2</sup> đã được giao cho gia đình tôi theo Chứng chỉ từ ngày 20/7/1992 sử dụng và canh tác. Năm 2004 gia đình tôi đã được cấp GCNQSDĐ số N 826022, đứng tên con trai tôi, hộ ông Nông Văn C; Đối với đám rẫy hiện nay gia đình tôi đang dựng nhà, trước đó được giao cho anh trai Hoàng Văn S nhưng do anh thoát ly, không S sống tại quê nhà nên tôi được phân kế thừa của bố mẹ. Gia đình tôi sử dụng thửa đất từ những năm 1989 để trồng lúa mạch, khoai lang, khoai sọ... năm làm năm bỏ. Đến năm 2005 gia đình tôi san gạt mặt bằng để xây dựng nhà ở và S sống ổn định trên thửa đất này từ đó đến nay không có tranh chấp. Đến năm 2019, gia đình tôi có tách một phần thửa cho chị dâu là Lục Thị H. Lúc làm thủ tục lấy phiếu ý kiến xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xóm có mời bà L tham gia và ký vào phiếu lấy ý kiến công nhận thửa đất của gia đình tôi là thừa kế của ông bà để lại và không có tranh chấp. Đến năm 2020 đám ruộng nhà nước thu hồi làm đường 213 nên bà L mới khởi kiện nhằm bôi xấu và gây khó khăn cho gia đình tôi. Nay bà L yêu cầu như vậy, tôi không đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình tôi để gia đình tôi tiếp tục quản lý, sử dụng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Hứa Thị P trình bày: Nhất trí với ý kiến trình bày của bà C về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đám ruộng và đám rẫy đang tranh chấp. Đám ruộng gia đình tôi được bồi thường hơn 65.000.000 đồng (Sáu mươi lăm triệu đồng), hiện nay diện tích đám ruộng còn hơn 400m<sup>2</sup>. Từ khi có khoản tiền bồi thường do thu hồi đất để làm đường thì bà L mới đến tranh chấp. Nay bà L yêu cầu đòi lại đám ruộng, đám rẫy và khoản

tiền bồi thường, tôi không đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết cho gia đình tôi để gia đình tôi ổn định cuộc sống.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lục Thị H trình bày: Tôi là chị dâu của bà C (Bà C là em gái ruột của chồng tôi Hoàng Văn S). Bà P là con dâu của bà C. Bà L có quan hệ họ hàng với gia đình chồng tôi. Về nguồn gốc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20, diện tích 825,6m<sup>2</sup> tôi không biết là của ai. Còn đối với nguồn gốc thửa đất rẫy mà hiện nay bà C đang dựng nhà (Địa chỉ: xóm Đ, xã ĐP, huyện TK, tỉnh Cao Bằng) là của tôi, được các cụ để lại cho. Việc xác định thửa đất này của gia đình tôi đã họp và có chứng chỉ (viết tay). Vào khoảng những năm 1954, tôi lấy chồng, về làm dâu thì được giao thửa đất rẫy này và liên tục canh tác từ năm 1954 đến khoảng năm 1979 thì tôi ra Thị trấn TK ở. Khi ra Thị trấn TK, tôi có nói “để cho các cháu - con bà C trông trọt”, tôi chỉ nói bằng miệng và không có giấy tờ gì. Và hiện nay gia đình bà C đang ở, quản lý, sử dụng từ những năm 1979 đến nay đối với thửa đất rẫy này. Đến năm 2019, gia đình bà C có được tách một phần đất thuộc đám rẫy gia đình bà C đang dựng nhà cho gia đình tôi. Thời điểm đó, có họp lấy phiếu ý kiến khu dân cư để xin cấp GCNQSDĐ. Bà L có tham gia và ký vào phiếu lấy ý kiến. Còn đối với thửa đất số 70, tờ bản đồ số 28 liền kề là của gia đình tôi, năm 2019 tôi xin tách một phần thuộc đám rẫy mà hiện nay bà C đang ở. Hiện nay thửa đất của gia đình tôi chưa làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ. Đối với một phần góc chuồng lợn xây bằng gạch vồ và lợp Prôximăng thuộc thửa đất số 70, tờ bản đồ số 28 là của bà C xây dựng. Đối với phần diện tích 7,3m<sup>2</sup> lấn chiếm sang đất tranh chấp tôi không có ý kiến gì. Nay bà L khởi kiện yêu cầu gia đình bà C trả lại thửa đất rẫy là không đúng, bà L không có quyền đòi bà C trả lại thửa đất rẫy. Tôi xác nhận thửa đất rẫy đang tranh chấp là của tôi, tôi chỉ cho gia đình bà C canh tác, quản lý, sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị B trình bày: Tôi là em dâu của bà C (Bà C là chị gái ruột của chồng tôi Hoàng Văn H). Bà P là con dâu của bà C. Bà L có quan hệ họ hàng với gia đình chồng tôi (Ông nội của L là em trai ruột của bố chồng tôi). Về nguồn gốc đất thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20, diện tích 825,6m<sup>2</sup> đang tranh chấp và thửa đất rẫy hiện nay bà C đang dựng nhà là của gia đình chồng tôi. Tôi lấy chồng từ năm 1973, tuy nhiên hai vợ chồng làm việc ở MT, huyện N. Đến năm 1992 có S việc chồng tôi về TK họp gia đình để chia đất, có lập chứng chỉ chia đất. Năm 1999 tôi có được chuyển nhượng ruộng, rẫy đất ở cho gia đình bà C với giá chuyển nhượng là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), không lập giấy tờ gì, không ai làm chứng. Khi tôi chuyển nhượng cho bà C là chuyển nhượng có phần đất tên gọi là Bãi Leng tại Đ, xã ĐP, huyện TK, tỉnh Cao Bằng. Tôi không nhớ rõ diện tích, trong đó bao gồm cả phần ruộng rẫy đang tranh chấp hiện nay. Nay bà L khởi kiện yêu cầu gia đình bà C trả lại thửa đất rẫy là không có căn cứ, tôi không nhất trí.

Người làm chứng Hoàng Xuân A trình bày: Tôi có quan hệ chị em họ với bà C, Hoàng Thị L là cháu ruột, con anh trai tôi, bà P là con dâu bà C. Về nguồn gốc đất đang tranh chấp là của ông Hoàng Văn K (Bố đẻ của tôi). Trong thời kỳ hợp tác xã gia đình đưa đất vào hợp tác xã để tăng gia sản xuất. Sau khi tan hợp tác xã, gia đình ông K đã nhận lại toàn bộ thửa đất của gia đình về để canh tác. Đến năm 1986 ông K chết, bà C đã tranh làm hai thửa đất tranh chấp. Về giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất tôi không có. Khi còn sống ông K có nói miệng là giao cho bà L hai thửa đất trên để sử dụng, canh tác. Hiện nay bà C là người trực tiếp quản lý và sử dụng các thửa đất trên là vì bà C đã tranh làm từ năm 1986. Nay L yêu cầu bà C trả lại hai thửa đất ruộng và rẫy, tôi nhất trí theo ý kiến của L.

Người làm chứng Lục Thị T trình bày: Tôi là thím ruột của cháu L, bà C là chị họ bên chồng của tôi. Từ trước đến nay tôi không có mâu thuẫn gì với L và C. Về nguồn gốc đất tranh chấp, tôi về làm dâu nhà ông K (ông nội L) năm 1977, năm 1982 tôi vẫn thấy ông K và mẹ L canh tác thửa ruộng đang tranh chấp. Khi đó, bà C canh tác đám ruộng ở bên cạnh. Đến năm 1986 ông K chết, bà C đến tranh chấp không cho gia đình cháu L canh tác đám ruộng này nữa. Đến năm 1987, gia đình bảo tôi canh tác tại đám ruộng này thì gia đình bà C không nói gì với tôi mà lại đi chửi gia đình cháu L. Còn về đám rẫy là do ông K khai hoang, năm 1977 đến khi chạy tàu xong ông K vẫn trồng thuốc lá. Sau đó, có nhiều người xin canh tác trên mảnh đất này. Đến năm 2005 con trai bà C lấy đá về đổ xuống đám rẫy, đến năm 2007 thì xây xong căn nhà đang ở. Gia đình L có đến nói chuyện nhưng gia đình bà C vẫn cố tình xây. Do trước đây khi ông K còn sống có chia đất cho các con nhưng không làm thủ tục, giấy tờ gì nên gia đình cháu L đã mất đất mấy chục năm. Nay yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, yêu cầu gia đình bà C phải trả lại đất ruộng và rẫy cho gia đình L và trả khoản tiền Nhà nước bồi thường do thu hồi đất cho gia đình L.

Người làm chứng Hứa Văn P trình bày: Tôi không biết nguồn gốc hai đám đất đang tranh chấp giữa gia đình bà L và gia đình bà C.

Người làm chứng Hoàng Văn C trình bày: Tôi S sống tại xóm Đ, xã ĐP từ nhỏ. Tôi là hàng xóm với bà L và bà C, từ trước đến nay chúng tôi không có mâu thuẫn gì. Về nguồn gốc đất tranh chấp giữa bà L và bà C theo tôi được biết, từ năm 1977 phần đất rẫy là đất hoang không ai canh tác. Sau đó, đến năm 1987 thì bà M canh tác, trồng ngô được khoảng 03 - 04 năm rồi bỏ hoang. Đến năm 2005 thì gia đình bà P xây nhà trên đất này, khi đó không có ai có ý kiến hay tranh chấp gì. Đến năm nay là năm 2021 mới thấy hai bên tranh chấp, kiện tụng. Còn đối với đám ruộng đã được Nhà nước bồi thường do thu hồi đất cho bà C, tôi được biết đám ruộng này có tên là Táp Vong, được giao cho ông Hoàng Văn H (em trai bà C). Tuy nhiên, tôi thấy bà C là người trực tiếp canh tác từ những năm 1979 tới nay. Còn đối với giấy chuyển nhượng ruộng rẫy, người viết có tên

Hoàng Văn C, tôi xác nhận chữ viết trong giấy và chữ ký là của tôi, còn về nội dung do lâu ngày nên tôi không nhớ.

Người làm chứng bà Triệu Thị M trình bày: Tôi được biết nguồn gốc thửa đất rẫy đang tranh chấp là của ông K (ông nội L), nhà chồng tôi có đất sát phần đất rẫy đang tranh chấp. Từ những năm 1987, tôi có xin phép mẹ cháu L là bà G canh tác và trồng ngô trên đám đất rẫy đang tranh chấp này. Khi đó, không có ai có ý kiến gì, tôi canh tác được khoảng 03 - 04 năm thì dừng lại. Sau đó, không ai canh tác lại. Đến khoảng năm 2006, gia đình bà P xây nhà, tôi có ý kiến vì nhà bà P cũng lấn chiếm đất nhà tôi. Còn gia đình L do đơn thân nên không có ý kiến gì.

Người làm chứng Bé Văn T trình bày: Tôi S sống tại xóm Đ, xã ĐP từ nhỏ. Tôi là hàng xóm với bà L và bà C, từ trước đến nay chúng tôi không có mâu thuẫn gì. Về nguồn gốc hai đám đất đang tranh chấp giữa bà L và bà C tôi không biết. Trong giấy chuyển nhượng rẫy giữa bà B và bà C có tên tôi là người làm chứng nhưng do thời gian lâu nên tôi không nhớ rõ, chữ ký không phải là chữ ký của tôi. Trong xóm cũng chỉ có một mình tôi tên Bé Văn T.

Người làm chứng Hoàng Thị N trình bày: Tôi N nhận làm con nuôi của ông K (ông nội L) và là hàng xóm với bà Hoàng Thị C, từ trước đến nay tôi không có mâu thuẫn gì. Về nguồn gốc đám rẫy mà hiện nay C đang dựng nhà là của bố mẹ tôi nhưng bà C đã canh tác và dựng nhà, thời gian đã lâu nên tôi không nhớ chính xác, gia đình tôi cũng nhất trí cho gia đình bà C sử dụng. Đối với thửa đất thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20, diện tích 825,6m<sup>2</sup> thì tôi không biết nguồn gốc là của ai. Nay bà L và bà C xảy ra tranh chấp tôi không có ý kiến gì, do Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo đơn yêu cầu của nguyên đơn bà Hoàng Thị L. Kết quả như sau:

- Đối với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20, diện tích 825,6m<sup>2</sup> :

Kiểm tra trên bản đồ, đất đang tranh chấp đã được cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ ông Nông Văn (con trai bà Hoàng Thị C), cấp ngày 25/11/2004.

Do trên thực tế, thửa đất có tứ cận như sau: phía Đông giáp với thửa đất số 61 và thửa số 79 tờ bản đồ số 20; phía Tây giáp với thửa đất số 59 và thửa 76 tờ bản đồ số 20; phía Nam giáp với thửa đất số 76, 77 và thửa số 78 tờ bản đồ số 20; phía Bắc giáp với thửa 52, tờ bản đồ số 20. Hiện trạng trên đất có đường tỉnh 213 đi qua thửa đất, chia thửa đất làm hai phần: phần 01 có diện tích 30,2 m<sup>2</sup>; phần 02 có diện tích 381,7m<sup>2</sup>. Hiện nay trên đất không có tài sản gì.

- Đối với thửa đất số 71, tờ bản đồ số 28:

Kiểm tra trên bản đồ, đất đang tranh chấp chưa được cấp GCNQSDĐ.

Do trên thực tế, thửa đất có diện tích 485,1m<sup>2</sup>, có tứ cận như sau: phía Đông giáp đường bê tông vào mốc 807 - 808; phía Tây giáp sông QS; phía Nam giáp với thửa đất số 70, tờ bản đồ số 28 của bà Lục Thị H; phía Bắc giáp với bên nước xóm Đ, xã ĐP, huyện TK, tỉnh Cao Bằng. Hiện trạng trên đất có một số tài sản (Tài sản cụ thể được thể hiện tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/6/2021, bút lục 53). Tài sản trên đất không tranh chấp, hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hai bên đương sự nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Hội đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn xác định không có tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu gia đình bà C trả lại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20; trả cho gia đình bà khoản tiền mà nhà nước đã bồi thường cho gia đình bà C phần đất bị thu hồi và lấy lại nguyên vẹn đám đất rẫy thuộc tờ bản đồ số 28 mà hiện nay gia đình bà C đang dựng nhà.

Người được ủy quyền của bị đơn xác định không có tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm và không nhất trí với các yêu cầu của nguyên đơn.

Những người làm chứng có mặt trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn ý kiến gì bổ sung thêm.

Tại bản luận cứ mà Tòa án nhận được của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Đối với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20 căn cứ vào thực tế và quá trình quản lý, sử dụng ổn định, liên tục trên 30 năm, đất đã được cấp GCNQSDĐ hợp pháp và căn cứ pháp luật quy định tại Điều 236 Bộ luật Dân S năm 2015 và Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 thì gia đình bà C là chủ sử dụng hợp pháp, là người có quyền sở hữu hợp pháp đối với số tiền được Nhà nước bồi thường phần đất đã thu hồi nằm trong thửa số 69, tờ bản đồ số 20 của gia đình bà C; Còn đối với thửa đất số 71, tờ bản đồ số 28 mặc dù gia đình bà C không có giấy tờ về quyền sử dụng đất nhưng đã sử dụng đất ổn định, liên tục để làm nhà từ năm 2005 đến nay và đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ nếu không có tranh chấp quyền sử dụng đất, không vi phạm quy hoạch sử dụng đất. Từ các căn cứ đã phân tích ở trên, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị L. Về án phí và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Cao Bằng đã:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 5, Điều 26, Điều 99, Điều 100, Điều 125, Điều 166, Điều

203; Điều 210 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu lấy lại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20; lấy lại nguyên vẹn đám đất rẫy thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 28; đòi lại khoản tiền đền bù do Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất đối với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20.

Bà Hoàng Thị C được quản lý, sử dụng:

Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20, với diện tích còn lại 411,9 m<sup>2</sup> tọa lạc tại xóm Đ, xã ĐP, huyện TK, tỉnh Cao Bằng. Túr cận (có sơ đồ vị trí khu đất tranh chấp kèm theo).

Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 28, có diện tích 485,1m<sup>2</sup>, tọa lạc tại xóm Đ, xã ĐP, huyện TK, tỉnh Cao Bằng (Thửa đất có tứ cận: phía Đông giáp đường bê tông vào mốc 807 - 808; phía Tây giáp sông QS; phía Nam giáp với thửa đất số 70, tờ bản đồ số 28 của bà Lục Thị H; phía Bắc giáp với bên nước xóm Đ, xã ĐP, huyện TK, tỉnh Cao Bằng (có sơ đồ vị trí khu đất tranh chấp kèm theo). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hoàng Thị C được thực hiện theo quy định của Luật đất đai năm 2013.

Số tiền bồi thường 65.921.400 đồng (Sáu mươi lăm triệu chín trăm hai mươi một nghìn bốn trăm đồng) do Nhà nước thu hồi một phần diện tích thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: bà Hoàng Thị L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 5.350.000 đồng (Năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận bà L đã nộp đủ.

3. Về án phí: Bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai số 0004056 ngày 07 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TK, tỉnh Cao Bằng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/10/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện TK có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 318/QĐKNPT – VKS – DS ngày 12/10/2021 đối với bản án số 16/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Cao Bằng. Nội dung kháng nghị như sau: Tại bản án số 16/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện TK đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị L trong đó có

phần đòi số tiền bồi thường 65.921.400đ do nhà nước thu hồi một phần diện tích thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20 nhưng lại không tính án phí giá ngạch theo quy định là thiếu sót. Vi phạm khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 26 và điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Theo quy định số tiền nhà nước đền bù là 65.921.400đ Tòa án huyện TK không tính án phí có giá ngạch số tiền:  $65.921.400đ \times 5\% = 3.296.070đ$  đối với nguyên đơn là không đúng. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm theo hướng buộc bà L phải chịu án phí giá ngạch số tiền là  $65.921.400đ \times 5\% = 3.296.070đ$ .

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 12 tháng 10 năm 2021 bà Hoàng Thị L có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm, không đồng ý với chứng chỉ lập năm 1992 mà bị đơn đã nộp vì bản chứng chỉ này có sau năm 1987. Đề nghị Tòa án phúc thẩm giải quyết yêu cầu bà C trả lại cho tôi thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20; Số tiền nhà nước bồi thường phần đất bị thu hồi và trả lại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 28.

Tại phiên tòa phúc thẩm Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng giữ nguyên quyết định kháng nghị. Đề nghị HĐXX sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TK về phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn Hoàng Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị hội đồng xét xử xem xét bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị HĐXX bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày luận cứ: Nhất trí về phần nội dung của bản án sơ thẩm, nhất trí kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, đề nghị HĐXX bác kháng cáo của nguyên đơn Hoàng Thị L, giữ nguyên phần nội dung bản án sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện TK, sửa án sơ thẩm về phần án phí theo quyết định kháng nghị.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Sửa án sơ thẩm về án phí theo giá ngạch, nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm thuộc về nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Nguyên đơn Hoàng Thị L nộp đơn khởi kiện bà Hoàng Thị C tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi tiền bồi thường giải phóng mặt bằng. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo quy định tại khoản 9 Điều 26 là có căn cứ tuy nhiên chưa đủ, bà Hoàng Thị L khởi kiện bà Hoàng Thị C yêu cầu Tòa án xem xét hai yêu cầu là tranh chấp quyền sử dụng đất thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20 và thửa đất số 71, tờ bản đồ số 28 cùng địa chỉ tại: Đ, xã ĐP, huyện TK, tỉnh Cao Bằng và yêu cầu bà Hoàng Thị C trả số tiền bồi thường giải phóng mặt bằng do nhà nước mở con đường 213 đi qua phần đất tranh chấp tại thửa số 69 tờ bản đồ số 20 cho bà L. Như vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi tiền bồi thường giải phóng mặt bằng*”. Mặc dù xác định thiếu quan hệ tranh chấp nhưng tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết đầy đủ các yêu cầu của nguyên đơn, do vậy Tòa án cấp phúc thẩm chỉ nhắc nhở để Tòa án cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm khi giải quyết các vụ án khác.

[2] *Về thẩm quyền:* Hai thửa đất tranh chấp là thửa số 69, tờ bản đồ số 20 và thửa đất số 71 tờ bản đồ số 28 đều có địa chỉ tại: Đ, xã ĐP, huyện TK, tỉnh Cao Bằng. Nguyên đơn Hoàng Thị L và bị đơn Hoàng Thị C đều sống cùng địa chỉ: Xóm Đ, xã ĐP, huyện TK, do đó Tòa án nhân dân huyện TK thụ lý giải quyết là có căn cứ, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Tính hợp pháp của đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị:* Ngày 29/9/2021 Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Cao Bằng tuyên bản án sơ thẩm số 16/2021/DS-ST về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn Hoàng Thị L và bị đơn Hoàng Thị C. Đến ngày 12 tháng 10 năm 2021

nguyên đơn Hoàng Thị L có đơn kháng cáo. Đơn kháng cáo của đương sự được gửi trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, đơn kháng cáo của đương sự là hợp pháp. Ngày 12/10/2021 có quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TK, quyết định kháng nghị đúng thời hạn quy định của pháp luật.

[4] *Xét kháng cáo và các căn cứ kháng cáo của nguyên đơn Hoàng Thị C:* Tại đơn kháng cáo bà Hoàng Thị C kháng cáo nội dung không nhất trí với bản án sơ thẩm, không đồng ý với chứng chỉ lập năm 1992 mà bị đơn đã nộp vì bản chứng chỉ này có sau năm 1987. Đề nghị Tòa án phúc thẩm giải quyết yêu cầu bà C trả lại cho tôi thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20; Số tiền nhà nước bồi thường phần đất bị thu hồi và trả lại thửa đất số 71, tờ bản đồ số 28. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc đất: Đối với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20, diện tích 825,6m<sup>2</sup> và thửa đất rẫy số 71, tờ bản đồ số 28 bà L cho rằng nguồn gốc đất là của gia đình bà là hoàn toàn không có căn cứ, không phù hợp với thực tế và bà cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Còn đối với bà C, bà có các giấy tờ chứng minh nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ bà để lại cho bà và các anh em trai. Thực tế, bà L và những người làm chứng đều xác nhận gia đình bà L không trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20 mà do gia đình bà C quản lý, sử dụng ổn định, liên tục trên 30 năm, từ năm 1987 đến nay. Năm 2004 gia đình bà C đã được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20, đứng tên chủ hộ Nông Văn Chính, gia đình bà L cũng không khiếu nại Quyết định cấp đất của UBND huyện TK. Tại văn bản số 1328 ngày 20 tháng 9 năm 2021 trả lời của Ủy ban nhân dân huyện TK “...1.Về hồ sơ cấp GCNQSDĐ số N 826022 ngày 25/11/2004 của hộ gia đình ông Nông Văn Chính đúng quy định của pháp luật (có bản sao kèm theo); đối với thửa đất rẫy thuộc thửa số 71, tờ bản đồ 28, gia đình bà C đã quản lý, sử dụng thửa đất, làm nhà và các công trình phụ trên đất từ năm 2005 đến nay. Mặc dù thửa đất chưa đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, chưa được cấp GCNQSDĐ và quyền sở hữu nhà nhưng gia đình bà C đã sinh sống từ năm 2005 đến nay chứng minh chỗ ở hợp pháp của gia đình. Hơn nữa, gia đình bà L không tranh chấp về ngôi nhà và công trình phụ trên đất cho thấy bà L thừa nhận ngôi nhà và các công trình phụ trên đất là của gia đình bà C. Mặt khác, theo văn bản số 1328 ngày 20 tháng 9 năm 2021 trả lời của UBND huyện TK “ông Hoàng Văn K (ông nội bà L) địa chỉ xóm Đ (cũ), xã ĐP, huyện TK, tỉnh Cao Bằng không có trong sổ điền bạ 64A”. Bà L cũng không cung cấp được giấy tờ chứng minh quyền thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa đất này và đến nay cũng đã hết thời hiệu hưởng quyền thừa kế. Ngoài ra, khi gia đình bà C quản lý, sử dụng hai thửa đất tranh chấp, gia đình bà L cũng không có ý kiến hay làm thủ tục yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Vì vậy, yêu cầu lấy lại thửa đất số 69, tờ

bản đồ số 20 và thửa đất rẫy số 71, tờ bản đồ số 28 của nguyên đơn bà Hoàng Thị L là không có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận là đúng quy định của pháp luật. Đối với tài sản trên đất không tranh chấp, hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không đặt vấn đề xem xét là đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu đòi lại khoản tiền đền bù do Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất đối với đất số 69, tờ bản đồ số 20: Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20, diện tích 825,6m<sup>2</sup> gia đình bà C đã được cấp GCNQSDĐ nên gia đình bà C đủ điều kiện được nhận tiền bồi thường đối với thửa đất này. Như đã nhận định ở trên, do yêu cầu lấy lại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20 của nguyên đơn không được chấp nhận nên bà C được hưởng khoản tiền bồi thường 65.921.400 đồng (Sáu mươi lăm triệu chín trăm hai mươi một nghìn bốn trăm đồng) do đường 213 đi qua một phần thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên. Hội đồng xét xử có căn cứ để bác kháng cáo của bà Hoàng Thị L về yêu cầu được quyền quản lý, sử dụng thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20 và thửa đất rẫy số 71, tờ bản đồ số 28 và yêu cầu đòi khoản tiền đền bù do nhà nước thu hồi một phần diện tích đất đối với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20.

[5] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TK, yêu cầu đòi tiền đền bù đất của bà L không được chấp nhận, do vậy bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. HĐXX xét thấy: Bà Hoàng Thị L khởi kiện bà Hoàng Thị C với hai yêu cầu là tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi tiền đền bù giải phóng mặt bằng, tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L. Do vậy, căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu tranh chấp quyền sử dụng đất và án phí có giá ngạch đối với số tiền đền bù giải phóng mặt bằng  $65.921.400đ \times 5\% = 3.296.070đ$ .

Do vậy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TK là có căn cứ, đúng pháp luật nên cần chấp nhận. Cần sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện TK về phần án phí.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của bà Hoàng Thị L không được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của nguyên đơn Hoàng Thị L, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện TK, tỉnh Cao Bằng. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh Cao Bằng.

### **Tuyên xử:**

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu lấy lại thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20; lấy lại nguyên vẹn đám đất rẫy thuộc thửa đất số 71, tờ bản đồ số 28; đòi lại khoản tiền đền bù do Nhà nước thu hồi một phần diện tích đất đối với thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20.

- Bà Hoàng Thị C được quản lý, sử dụng:

+ Thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20, với diện tích còn lại 411,9 m<sup>2</sup>, địa chỉ: xóm Đ, xã ĐP, huyện TK, tỉnh Cao Bằng. Tứ cận (có sơ đồ vị trí khu đất tranh chấp kèm theo).

+ Thửa đất số 71, tờ bản đồ số 28, có diện tích 485,1m<sup>2</sup>, địa chỉ: xóm Đ, xã ĐP, huyện TK, tỉnh Cao Bằng (Thửa đất có tứ cận: phía Đông giáp đường bê tông vào mốc 807 - 808; phía Tây giáp sông QS; phía Nam giáp với thửa đất số 70, tờ bản đồ số 28 của bà Lục Thị H; phía Bắc giáp với bến nước xóm Đ, xã ĐP, huyện TK, tỉnh Cao Bằng (có sơ đồ vị trí khu đất tranh chấp kèm theo). Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Hoàng Thị C được thực hiện theo quy định của Luật đất đai năm 2013.

+ Số tiền bồi thường 65.921.400 đồng (Sáu mươi lăm triệu chín trăm hai mươi một nghìn bốn trăm đồng) do Nhà nước thu hồi một phần diện tích thửa đất số 69, tờ bản đồ số 20.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: bà Hoàng Thị L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền là 5.350.000 đồng (Năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Xác nhận bà L đã nộp đủ.

3. Về án phí:

- Bà Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân S sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0004056 ngày 07 tháng 5 năm 2021 và 300.000đ theo Biên lai số 0004072 ngày 12 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án

Dân sự huyện K, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm không có giá ngạch.

- Bà Hoàng Thị L còn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch số tiền là: 3.296.070đ (Ba triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi đồng) để sung ngân sách nhà nước.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh CB;
- TAND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Tổ HCTP;
- Lưu hs;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nông Hà Nam**